



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH HÀ TĨNH**
THÁNG 11 NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 10 ngõ 42 Trần Cung, Nghĩa Đô, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbtnn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	5
2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1. Mức nước	5
2.1.2. Chất lượng nước.....	9
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	10
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh).....	10
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp).....	12
2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t ₂).....	13
2.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)	13
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất	15
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	15
PHỤ LỤC	16

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hà Tĩnh được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Tỉnh Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc lưu vực sông Cả có diện tích tự nhiên là 6.055,6km². Trong khu vực này mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hà Tĩnh gồm các tầng chứa nước là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t₂) và tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 750.567,5m³/ngày, tầng chứa nước qp là 234.584,3m³/ngày, tầng chứa nước t₂ là 113.041,7 m³/ngày và tầng chứa nước c-p là 26,8 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất tháng 10 và chất lượng nước mùa khô năm 2025; dự báo mực nước dưới đất hai tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 30 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng trước có xu thế dâng tại tầng chứa nước qh, qp, c-p và không rõ ràng tại tầng t₂. Chất lượng nước trong tỉnh cho thấy hầu hết các thông số nằm trong giá trị giới hạn, tuy nhiên có một số công trình có thông số Mn, Pb, As và NH₄⁺ vượt quá GTGH theo QCVN 09:2023/BTNMT.

Dự báo mực nước dưới đất tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế hạ tại tầng chứa nước qh, qp, c-p và không rõ ràng tại tầng t₂.

Trong khu vực tỉnh Hà Tĩnh, thời điểm hiện tại chưa có công trình có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

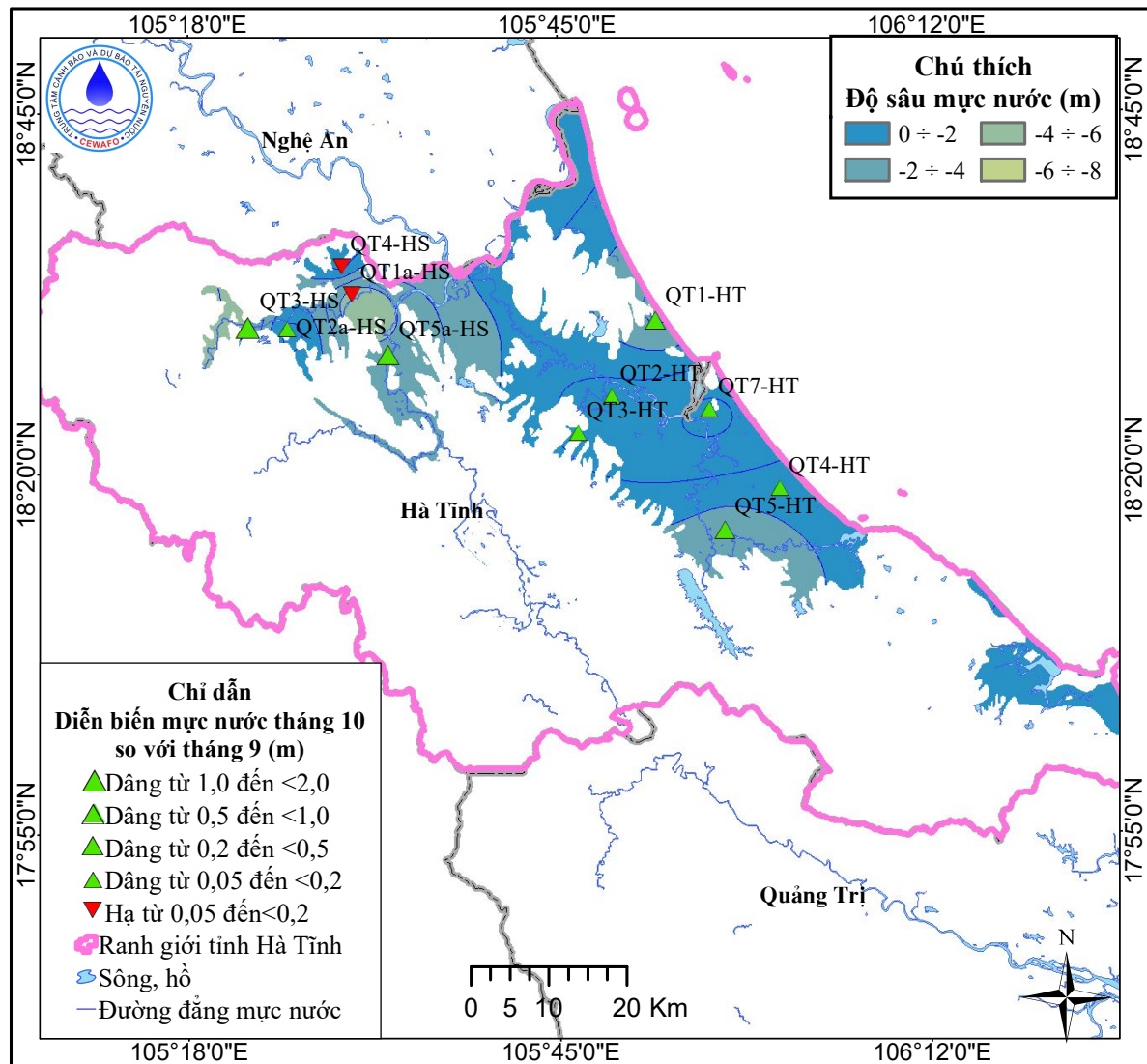
2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất

2.1.1. Mục nước

2.1.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 1,93m tại xã Sơn Giang (QT3-HS) và giá trị hạ thấp nhất là 0,16m tại xã Hương Sơn (QT1a-HS).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,21m tại xã Thạch Khê (QT7-HT) và sâu nhất là -4,69m tại xã Hương Sơn (QT1a-HS).

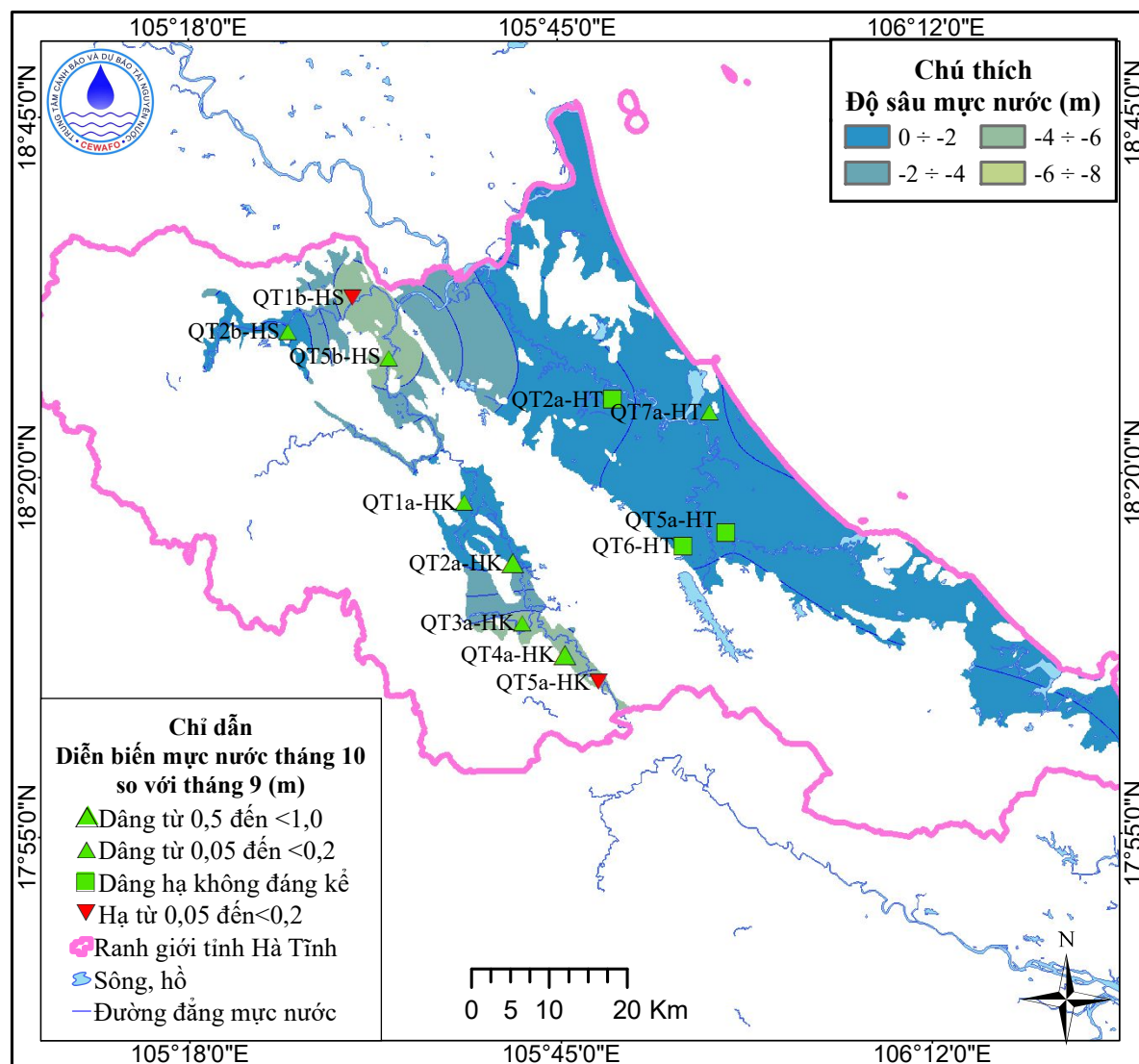


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qh

2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,69m tại xã Phúc Trạch (QT4a-HK) và giá trị hạ thấp nhất là 0,16m tại xã Phúc Trạch (QT5a-HK).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,09m tại xã Thạch Khê (QT7a-HT) và sâu nhất là -5,41m tại xã Phúc Trạch (QT5a-HK).

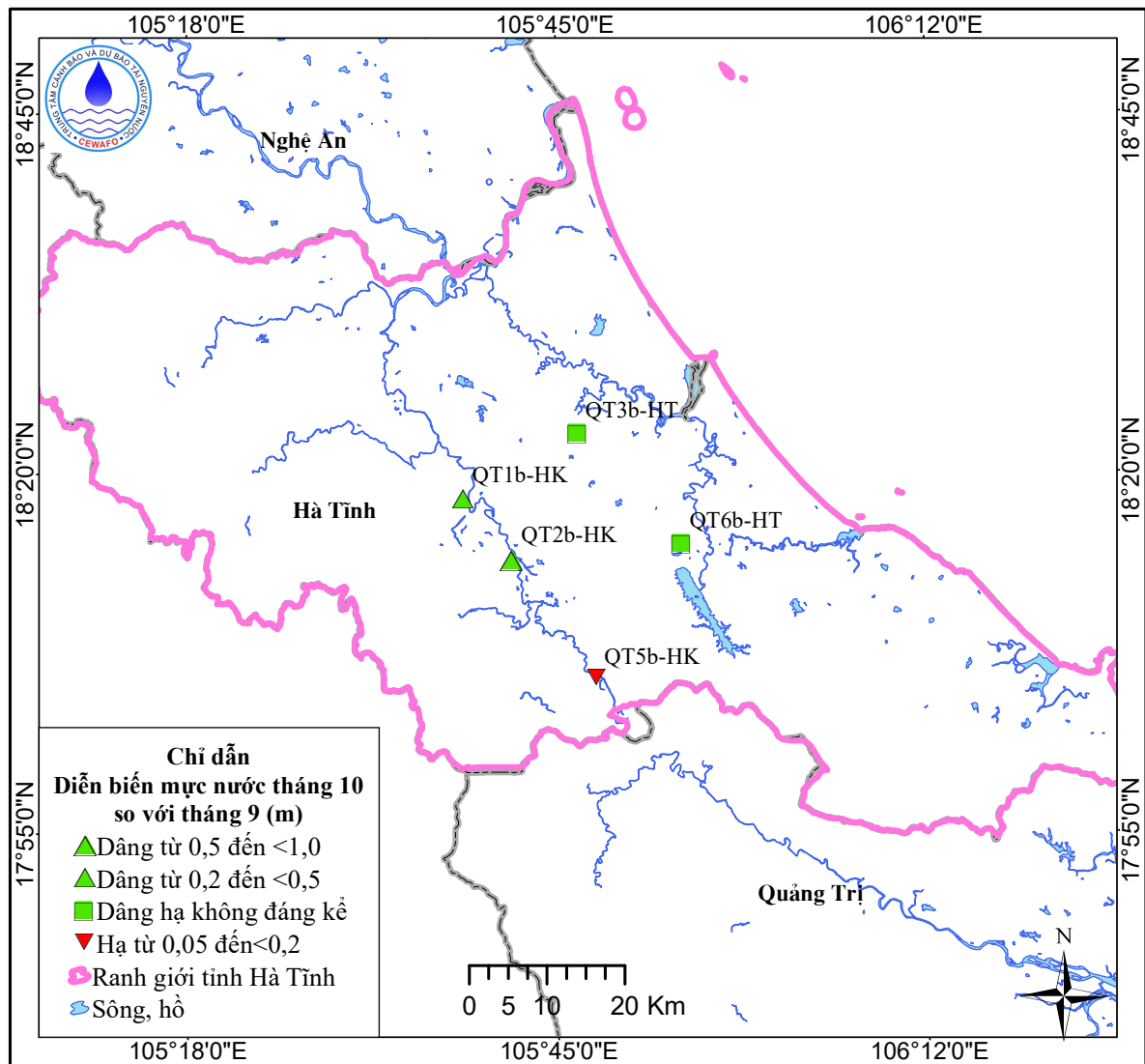


Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp

2.1.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,63m tại xã Hương Phố (QT2b-HK) và giá trị hạ thấp nhất là 0,08m tại xã Phúc Trạch (QT5b-HK).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,43m tại xã Cẩm Duệ (QT6b-HT) và sâu nhất là -5,51m tại xã Phúc Trạch (QT5b-HK).

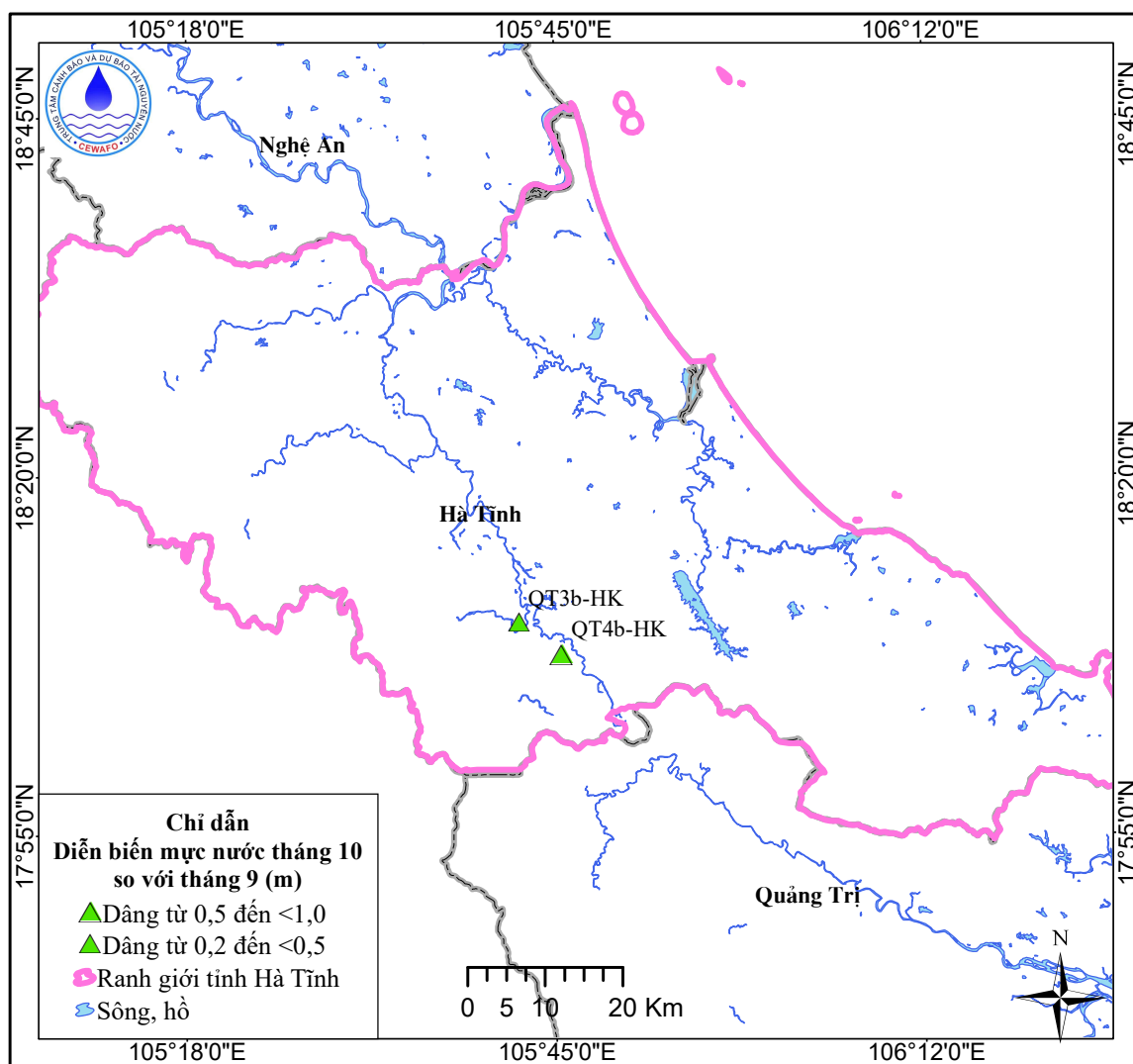


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng t_2

2.1.1.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 có xu thế dâng so với tháng 9. Giá trị dâng cao nhất là 0,94m tại xã Phúc Trạch (QT4b-HK).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,33m tại xã Phúc Trạch (QT4b-HK) và sâu nhất là -4,4m tại xã Hương Khê (QT3b-HK).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng c-p

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng (m)

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I	Tầng chứa nước qh				
1	QT1-HT	xã Lộc Hà	-2,73	-3,39	-3,09
2	QT2-HT	xã Đông Kinh	-0,43	-0,65	-0,56
3	QT3-HT	xã Xuân Lộc	-0,60	-0,76	-0,70
4	QT4-HT	xã Yên Hoà	-1,32	-1,65	-1,51
5	QT5-HT	xã Cẩm Bình	-2,20	-2,79	-2,61
6	QT7-HT	xã Thạch Khê	0,38	0,15	0,22
7	QT1a-HS	xã Hương Sơn	-4,54	-4,79	-4,69
8	QT2a-HS	xã Hương Sơn	-0,41	-1,28	-0,75
9	QT3-HS	xã Sơn Giang	-3,14	-5,06	-4,04
10	QT4-HS	xã Sơn Tiến	-0,76	-1,06	-0,92

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
11	QT5a-HS	xã Đức Thọ	-3,09	-4,34	-3,65
II	Tầng chứa nước q_p				
1	QT2a-HT	xã Đông Kinh	-1,18	-1,33	-1,30
2	QT5a-HT	xã Cẩm Bình	-0,26	-1,01	-0,84
3	QT6-HT	xã Cẩm Duệ	-0,43	-0,53	-0,49
4	QT7a-HT	xã Thạch Khê	-0,01	-0,12	-0,09
5	QT1a-HK	xã Hải Linh	-0,80	-1,47	-1,14
6	QT2a-HK	xã Hương Phố	-0,14	-2,56	-1,77
7	QT3a-HK	xã Hương Khê	-4,23	-4,72	-4,54
8	QT4a-HK	xã Phúc Trạch	-3,83	-5,30	-4,39
9	QT5a-HK	xã Phúc Trạch	-5,20	-5,71	-5,41
10	QT1b-HS	xã Hương Sơn	-4,57	-4,77	-4,68
11	QT2b-HS	xã Hương Sơn	-0,53	-1,47	-0,91
12	QT5b-HS	xã Đức Thọ	-4,56	-4,73	-4,64
III	Tầng chứa nước t₂				
1	QT3b-HT	xã Xuân Lộc	-0,85	-0,93	-0,89
2	QT6b-HT	xã Cẩm Duệ	-0,37	-0,49	-0,43
3	QT1b-HK	xã Hải Linh	-0,20	-0,85	-0,53
4	QT2b-HK	xã Hương Phố	-0,36	-5,09	-4,04
5	QT5b-HK	xã Phúc Trạch	-5,04	-6,02	-5,51
IV	Tầng chứa nước c-p				
1	QT3b-HK	xã Hương Khê	-3,53	-4,74	-4,41
2	QT4b-HK	xã Phúc Trạch	-2,68	-5,46	-4,32

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích cho thấy không có công trình vượt GTGH.

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy các công trình hầu hết có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Mangan (4/11 công trình) vượt GTGH, vượt

lớn nhất tại công trình QT2-HT (xã Đông Kinh) và Chì (3/11 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình QT5a-HS (xã Đức Thọ).

- Thông số Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 2/11 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình QT1a-HS (xã Hương Sơn).

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích cho thấy có một công trình vượt GTGH, tại công trình QT2a-HT (xã Đông Kinh).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy các công trình hầu hết có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Mangan (1/11 công trình) vượt GTGH tại công trình QT5a-HT (xã Cẩm Bình); Chì (1/11 công trình) vượt tại công trình QT2b-HS (xã Hương Sơn); Arsenic (2/11 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình QT7a-HT (xã Thạch Khê).

- Thông số Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 1/11 công trình vượt GTGH tại công trình QT1b-HS (xã Hương Sơn).

2.1.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t_2)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích cho thấy có một công trình vượt GTGH, tại công trình QT3b-HT (xã Xuân Lộc).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy không có công trình vượt GTGH.

- Thông số Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích cho thấy không có công trình vượt GTGH.

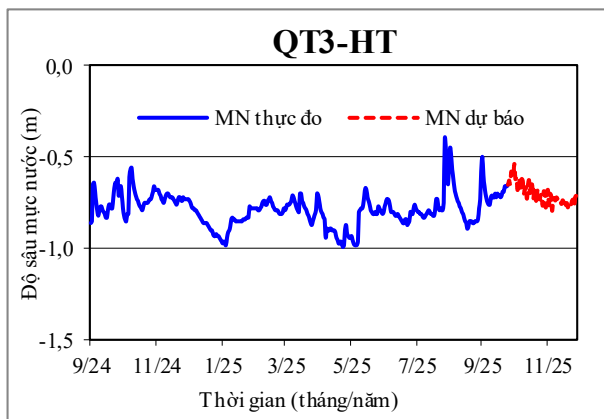
2.1.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT thông số vi lượng và amoni không vượt quá giá trị giới hạn (GTGH).

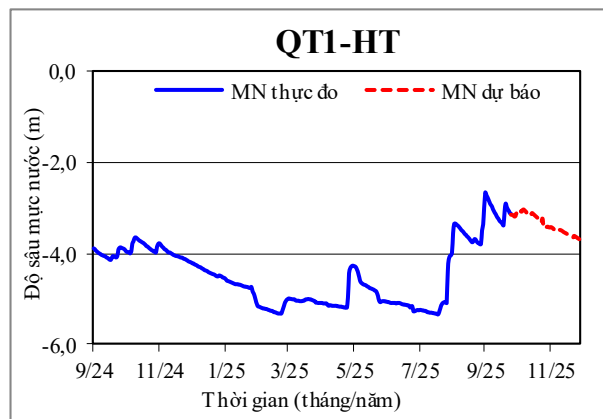
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

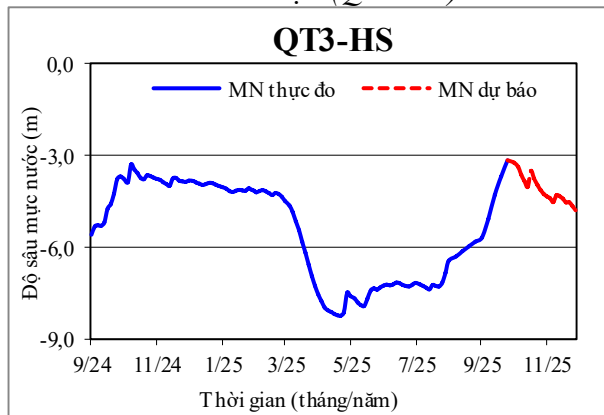
Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ, mực nước dao động khoảng 0,5 – 1,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



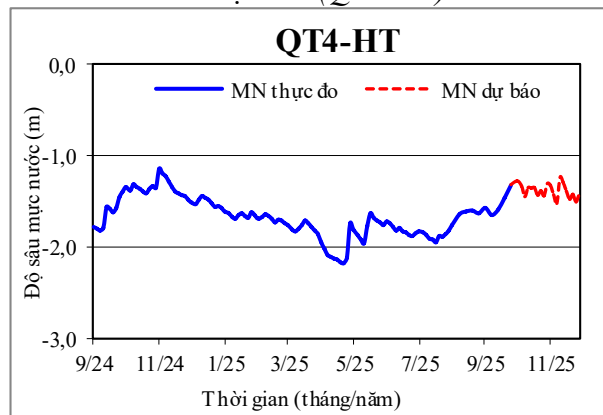
xã Xuân Lộc (QT3-HT)



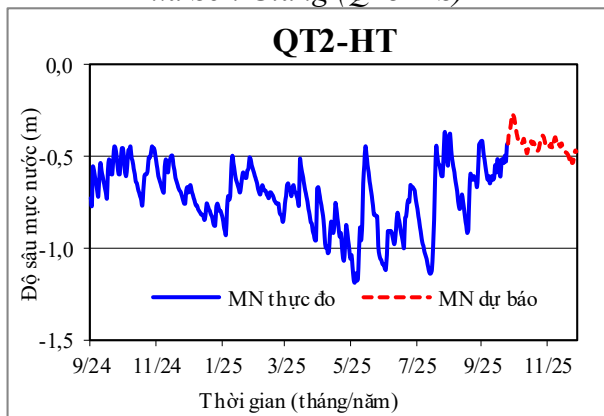
xã Lộc Hà (QT1-HT)



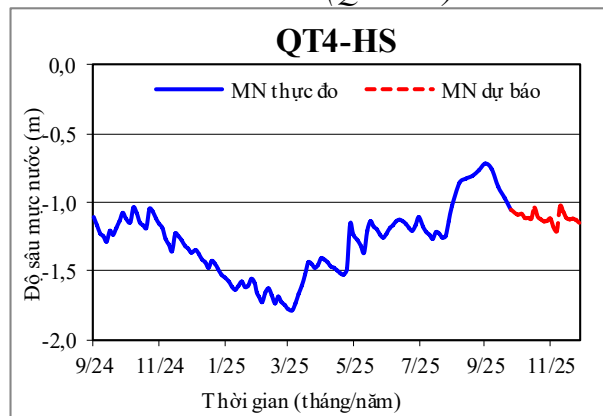
xã Sơn Giang (QT3-HS)



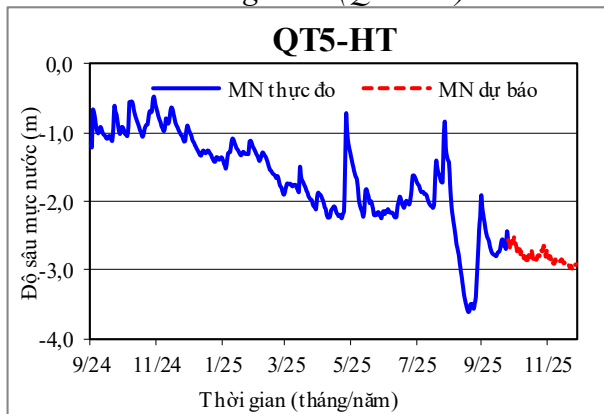
xã Yên Hòa (QT4-HT)



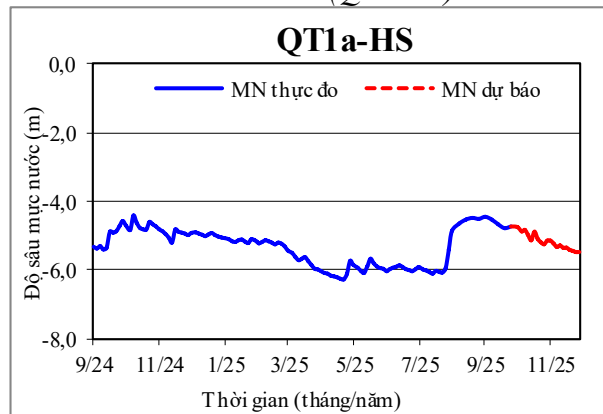
xã Đông Kinh (QT2-HT)



xã Sơn Tiến (QT4-HS)



xã Cẩm Bình (QT5-HT)

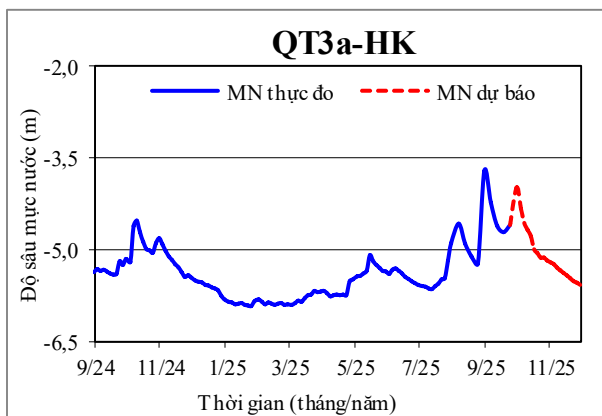


xã Hương Sơn (QT1a-HS)

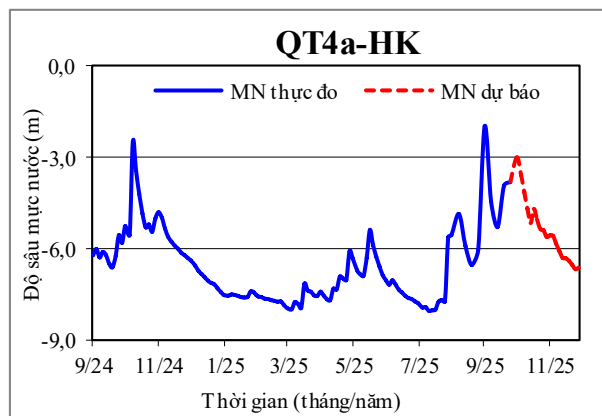
Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

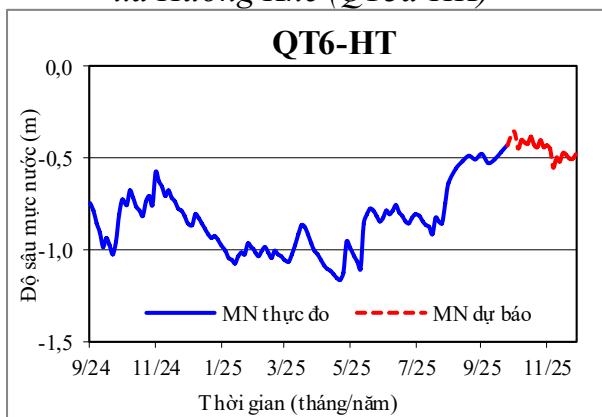
Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ, mực nước dao động khoảng 0,3 – 1,0m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



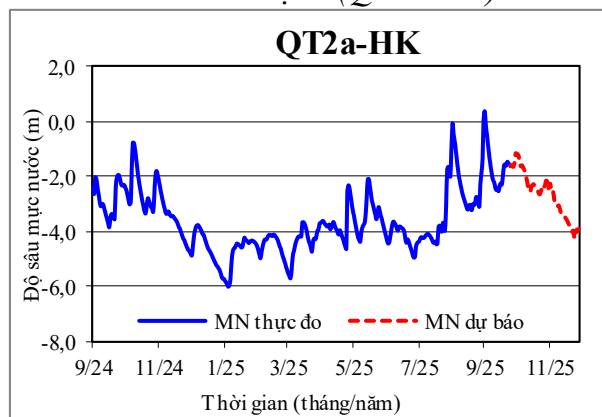
xã Hương Khê (QT3a-HK)



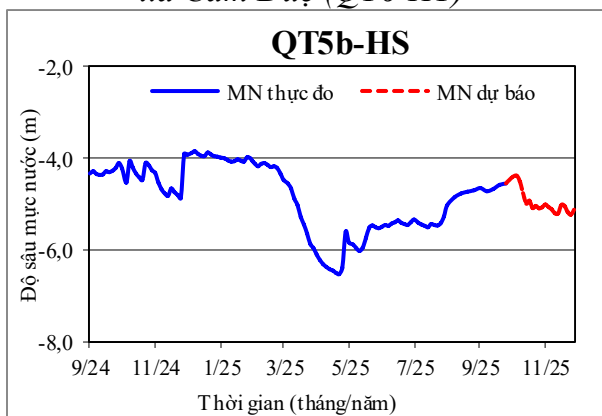
xã Phúc Trạch (QT4a-HK)



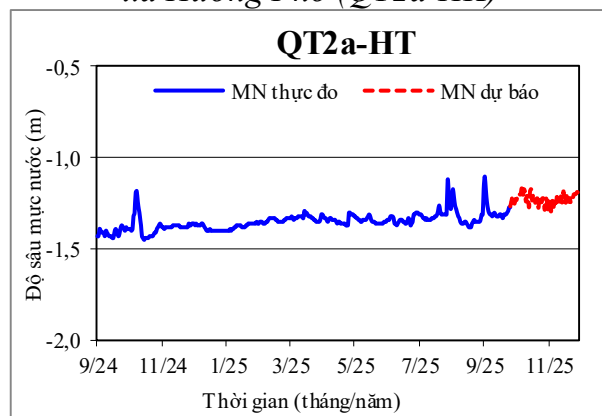
xã Cẩm Duệ (QT6-HT)



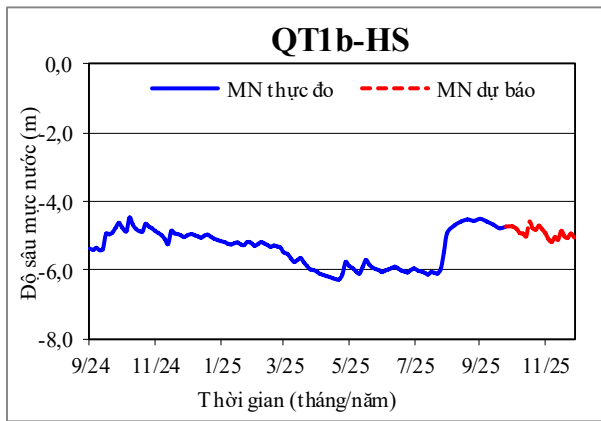
xã Hương Phố (QT2a-HK)



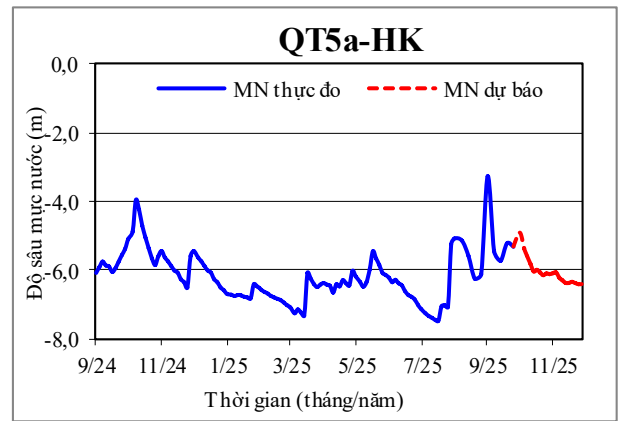
xã Đức Thọ (QT5b-HS)



xã Đông Kinh (QT2a-HT)



xã Hương Sơn (QT1b-HS)

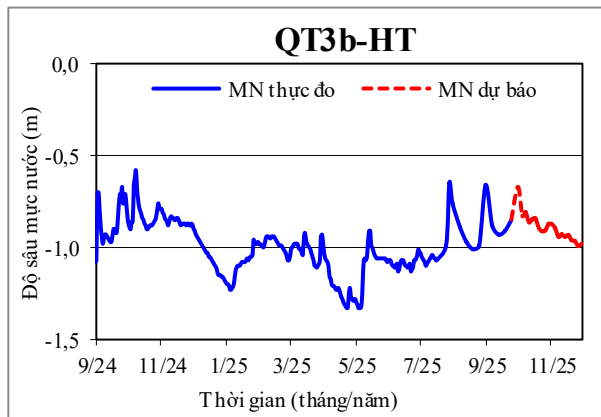


xã Phúc Trạch (QT5a-HK)

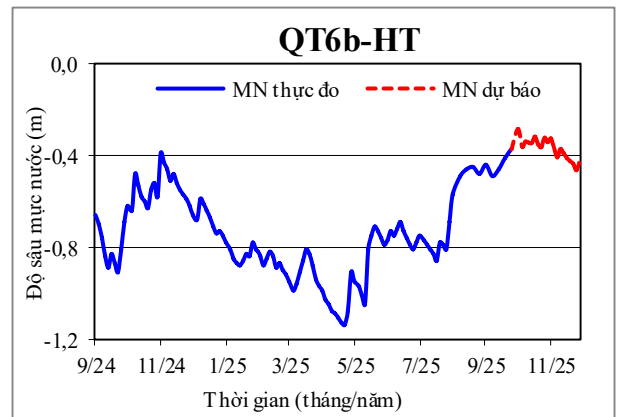
Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t_2)

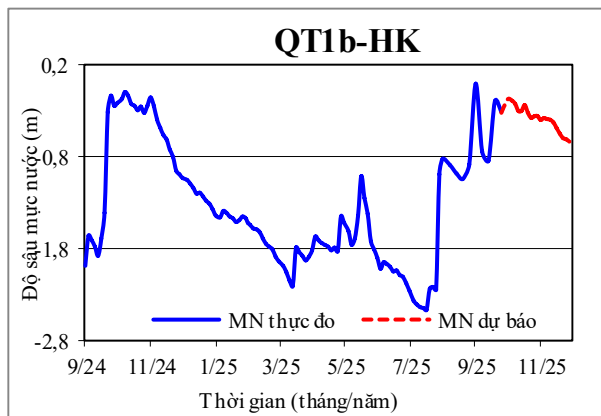
Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế không rõ ràng, mực nước dao động khoảng 0,5 – 1,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



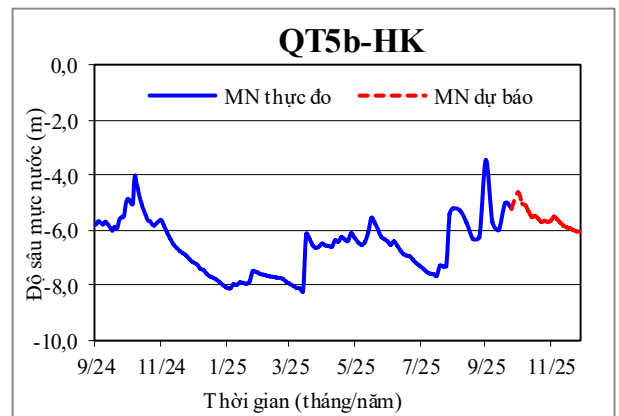
xã Xuân Lộc (QT3b-HT)



xã Cẩm Duệ (QT6b-HT)



xã Hải Linh (QT1b-HK)

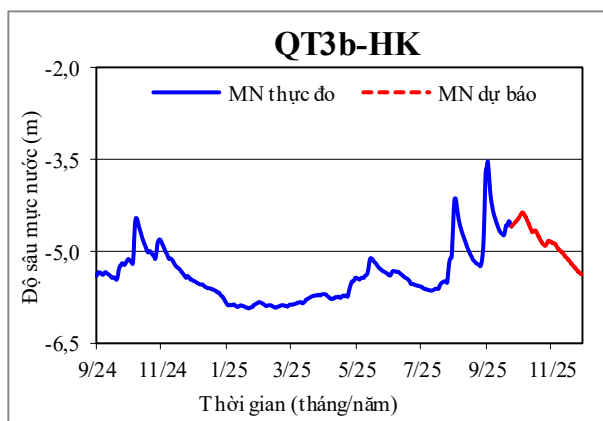


xã Phúc Trạch (QT5b-HK)

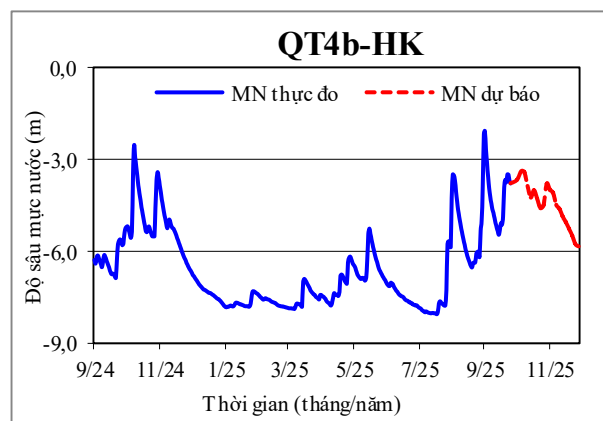
Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tầng t_2

2.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Trong tháng 11 và tháng 12 mực nước có xu thế hạ, mực nước dao động khoảng 0,5 – 1,5m. Chi tiết diễn biến mực nước tại các công trình như sau:



xã Hương Khê (QT3b-HK)



xã Phúc Trạch (QT4b-HK)

Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tăng c-p
Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I	Tầng chứa nước qh					
1	QT1-HT	xã Lộc Hà	-3,03	-3,43	-3,21	26/10/2025
2	QT2-HT	xã Đông Kinh	-0,39	-0,48	-0,43	11/10/2025
3	QT3-HT	xã Xuân Lộc	-0,62	-0,78	-0,68	29/10/2025
4	QT4-HT	xã Yên Hoà	-1,31	-1,46	-1,38	06/10/2025
5	QT5-HT	xã Cẩm Bình	-2,65	-2,91	-2,77	11/10/2025
6	QT7-HT	xã Thạch Khê	0,41	0,19	0,32	20/10/2025
7	QT1a-HS	xã Hương Sơn	-4,84	-5,25	-5,04	24/10/2025
8	QT2a-HS	xã Hương Sơn	-0,27	-0,68	-0,48	21/10/2025
9	QT3-HS	xã Sơn Giang	-3,37	-4,27	-3,83	27/10/2025
10	QT4-HS	xã Sơn Tiến	-1,05	-1,15	-1,11	24/10/2025
11	QT5a-HS	xã Đức Thọ	-3,04	-4,22	-3,71	24/10/2025
II	Tầng chứa nước qp					
1	QT2a-HT	xã Đông Kinh	-1,17	-1,30	-1,23	29/10/2025
2	QT5a-HT	xã Cẩm Bình	-0,36	-0,80	-0,63	11/10/2025
3	QT6-HT	xã Cẩm Duệ	-0,38	-0,45	-0,42	03/10/2025
4	QT7a-HT	xã Thạch Khê	0,05	-0,12	-0,01	20/10/2025
5	QT1a-HK	xã Hải Linh	-0,96	-1,30	-1,15	21/10/2025
6	QT2a-HK	xã Hương Phố	-1,58	-2,66	-2,26	21/10/2025
7	QT3a-HK	xã Hương Khê	-4,33	-5,18	-4,87	27/10/2025
8	QT4a-HK	xã Phúc Trạch	-3,61	-5,64	-4,88	27/10/2025
9	QT5a-HK	xã Phúc Trạch	-5,35	-6,13	-5,90	21/10/2025
10	QT1b-HS	xã Hương Sơn	-4,58	-5,01	-4,81	12/10/2025
11	QT2b-HS	xã Hương Sơn	-0,44	-0,78	-0,62	11/10/2025
12	QT5b-HS	xã Đức Thọ	-4,40	-5,09	-4,87	24/10/2025

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước dự báo (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
III	Tầng chứa nước t ₂					
1	QT3b-HT	xã Xuân Lộc	-0,81	-0,92	-0,87	21/10/2025
2	QT6b-HT	xã Cẩm Duệ	-0,31	-0,36	-0,34	21/10/2025
3	QT1b-HK	xã Hải Linh	-0,18	-0,38	-0,29	21/10/2025
4	QT2b-HK	xã Hương Phố	-3,64	-5,12	-4,56	21/10/2025
5	QT5b-HK	xã Phúc Trạch	-5,07	-5,73	-5,48	21/10/2025
IV	Tầng chứa nước c-p					
1	QT3b-HK	xã Hương Khê	-4,38	-4,91	-4,68	24/10/2025
2	QT4b-HK	xã Phúc Trạch	-3,40	-4,60	-4,02	21/10/2025

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tỉnh Hà Tĩnh thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi tỉnh Hà Tĩnh chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên tỉnh nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Holocen (qh) và Pleistocen (qp). Các thông số vượt chủ yếu bao gồm độ mặn, Mangan, Arsenic, Chì và Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Mangan vượt lớn nhất tại xã Đông Kinh (QT2-HT); Chì vượt lớn nhất tại xã Đức Thọ (QT5a-HS); Amoni vượt lớn nhất tại xã Hương Sơn (QT1a-HS).

+ Tầng qp: Mangan vượt tại xã Cẩm Bình (QT5a-HT); Chì vượt tại xã Hương Sơn (QT2b-HS); Arsenic vượt lớn nhất tại xã Thạch Khê (QT7a-HT); Amoni vượt tại xã Hương Sơn (QT1b-HS).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện